HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 25 /2021/NQ-HĐND	*Hà Nam, ngày 08 tháng 12 năm 2021*

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NAM
ĐẾN Số: 7182
Ngày: 24/12/21
Chuyển:

NGHỊ QUYẾT

Quy định tiền công, nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục trên địa bàn tỉnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ NĂM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 47/2019/QH14;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;

Xét Tờ trình số 3326/TTr-UBND ngày 03/12/2021 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về việc Quy định nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục trên địa bàn tỉnh; báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận, thống nhất của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định tiền công, nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục trên địa bàn tỉnh, gồm:

a) Tiền công cho các chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi ở địa phương:

- Kỳ thi tuyển sinh vào đầu cấp phổ thông;

- Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông;

- Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện và cấp tỉnh các môn văn hóa;

- Kỳ thi chọn học sinh giỏi lớp 12 và thành lập đội tuyển tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia;

- Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia.

b) Nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục trên địa bàn tỉnh thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc do UBND tỉnh cho phép thực hiện.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo ở địa phương, các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan được cơ quan có thẩm quyền giao tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 điều này.

Điều 2. Nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục trên địa bàn tỉnh

1. Nội dung chi, gồm:

- Tiền công cho các chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi ở địa phương;

- Chi mua mới hoặc nâng cấp phần mềm thi;

- Chi Công an bảo vệ vòng ngoài khu vực làm thi;

- Chi tiền công cho cộng tác viên thanh tra và thanh tra phối hợp;

- Chi công tác phòng chống dịch bệnh, vệ sinh môi trường; thuê phương tiện vận chuyển đề, bài thi; thuê phương tiện cho đoàn thanh tra, kiểm tra thi;

- Chi trả chế độ làm thêm giờ cho những người thực hiện tiếp nhận, trả hồ sơ thí sinh và nhập dữ liệu chuẩn bị các điều kiện cho kỳ thi, kỳ xét tuyển;

- Chi công tác xét kết quả trúng tuyển, xét tuyển, xét đỗ (nếu có);

- Tổ chức hội nghị hướng dẫn quy chế thi; tập huấn nghiệp vụ công tác thi, thanh tra, kiểm tra thi;

- Chi thuê thỉnh giảng dạy một số chuyên đề cho học sinh tham dự kỳ thi học sinh giỏi quốc gia.

2. Mức chi:

a) Mức chi tiền công cho các chức danh, nhiệm vụ:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
1	Ban chỉ đạo thi		
	- Trưởng ban	Ngày/người	370
	- Phó Trưởng ban	Ngày/người	290
	- Ủy viên, thư ký	Ngày/người	230
	- Nhân viên phục vụ	Ngày/người	120
2	Hội đồng thi		

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
	- Chủ tịch	Ngày/người	370
	- Phó Chủ tịch	Ngày/người	290
	- Ủy viên, thư ký	Ngày/người	230
3	Hội đồng (Ban) ra đề thi		
	- Chủ tịch (Trưởng ban)	Ngày/người	450
	- Phó Chủ tịch (Phó Trưởng ban) thường trực	Ngày/người	420
	- Phó Chủ tịch (Phó Trưởng ban)	Ngày/người	350
	- Ủy viên, Thư ký, nhân viên kỹ thuật, thanh tra giám sát trong khu vực cách ly	Ngày/người	300
	Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ trong khu vực cách ly	Ngày/người	230
	- Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ, thư ký vòng ngoài	Ngày/người	130
4	Hội đồng (Ban) in sao và vận chuyển đề thi		
	- Chủ tịch (Trưởng ban)	Ngày/người	390
	- Phó Chủ tịch (Phó Trưởng ban)	Ngày/người	320
	- Ủy viên, thư ký, nhân viên kỹ thuật, thanh tra làm việc trong khu cách ly	Ngày/người	260
	- Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ làm việc trong khu cách ly	Ngày/người	210
	- Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ, thư ký làm việc vòng ngoài	Ngày/người	130
	- Thành viên đoàn vận chuyển đề thi	Ngày/người	320
5	Ban thư ký, Ban coi thi; Đoàn thanh tra (Giám sát) thi		
	- Trưởng ban; Trưởng đoàn thanh tra (Giám sát) thi	Ngày/người	310
	- Phó Trưởng ban; Phó Trưởng đoàn thanh tra (Giám sát) thi	Ngày/người	260
	- Ủy viên; thành viên đoàn thanh tra (Giám sát)	Ngày/người	210
6	Hội đồng coi (Điểm thi)		

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
	- Chủ tịch (Trưởng điểm)	Ngày/người	290
	- Phó Chủ tịch (Phó Trưởng điểm); Tổ trưởng thanh tra hoặc thanh tra độc lập	Ngày/người	260
	- Thư ký, cán bộ coi thi, giám sát; thành viên tổ thanh tra	Ngày/người	210
	- Công an, bảo vệ, phục vụ	Ngày/người	110
7	Ban (Tổ) làm phách		
	- Trưởng ban (Tổ trưởng)	Ngày/người	390
	- Phó Trưởng ban (Tổ phó)	Ngày/người	320
	- Ủy viên, thư ký, nhân viên kỹ thuật, thanh tra làm việc trong khu cách ly	Ngày/người	260
	- Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ làm việc trong khu cách ly	Ngày/người	210
	- Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ, thư ký làm việc vòng ngoài	Ngày/người	130
8	Hội đồng (Ban) chấm thi; phúc khảo, chấm thẩm định		
	- Chủ tịch (Trưởng ban)	Ngày/người	310
	- Phó Chủ tịch (Phó Trưởng ban); tổ trưởng tổ thanh tra	Ngày/người	260
	- Ủy viên, thư ký, nhân viên kỹ thuật; thành viên tổ thanh tra	Ngày/người	210
	- Công an, Bảo vệ, phục vụ	Ngày/người	130

b) Mức chi tiền công ra đề thi:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
1	Xây dựng, phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả	Ngày/người	250
2	Ra đề thi đề xuất với đề thi tự luận		
	- Tốt nghiệp THPT	Đề	340

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
	- Thi học sinh giỏi các khối lớp, thi tuyển sinh vào lớp10 *(01 đề chính thức gồm nhiều đề phân môn khác nhau, để đề xuất có ít nhất 03 câu)*	Đề theo phân môn	670
3	Tiền công ra đề chính thức, dự bị có kèm theo đáp án, biểu điểm đối với thi tốt nghiệp trung học phổ thông (nếu có); thi tuyển sinh đầu cấp phổ thông; thi chọn học sinh giỏi tham dự đội tuyển dự thi học sinh giỏi quốc gia, thi chọn học sinh giỏi các khối lớp *(đề tự luận, đề trắc nghiệm, đề thi nói gồm 10 chủ đề)*, đề thi thực hành		
	- Những ngày thực tế ra đề		
	+ Tự luận	Ngày/người	560
	+ Trắc nghiệm	Ngày/người	380
	- Những ngày cách ly còn lại	Ngày/người	350

c) Tiền công xây dựng ngân hàng câu hỏi thi:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
1	Xây dựng, phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả	Ngày/người	250
2	Tiền công soạn thảo câu hỏi thô	Câu	40
3	Rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	Câu	25
4	Chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	Câu	15
5	Rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	Câu	5

d) Tiền công chấm bài thi tự luận, trắc nghiệm, thi nói, thi thực hành, chấm thẩm định, chấm phúc khảo, chấm thanh tra các kỳ thi tốt nghiệp THPT, học sinh giỏi tỉnh các khối lớp, tuyển sinh vào lớp 10:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
1	Chấm bài thi		
	- Thi tốt nghiệp THPT tự luận	Bài	20
	- Thi tốt nghiệp THPT trắc nghiệm	Bài (môn)	5
	- Thi học sinh giỏi	Bài	50
	- Thi chọn học sinh giỏi dự thi cấp quốc gia	Bài	65
	- Thi tuyển sinh vào lớp 10	Bài	13
2	Chấm thi nói, thi thực hành	Ngày/người	400
3	Chấm thẩm định, chấm phúc khảo, chấm thanh tra các kỳ thi		
	- Tốt nghiệp THPT, tuyển sinh vào lớp 10	Ngày/người	200
	- Học sinh giỏi tỉnh các khối lớp	Ngày/người	340

e) Các kỳ thi, cuộc thi, hội thi khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định hoặc do UBND tỉnh cho phép ngành giáo dục thực hiện quy định tại mức chi tối đa không vượt quá 60% mức chi quy định tại điểm a, b, c, d khoản 2 Điều này;

g) Các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong phạm vi chuyên môn, nghiệp vụ để đánh giá, xếp loại, giáo dục học sinh tại các cơ sở giáo dục mức chi tối đa không vượt quá 50% mức chi quy định tại tại điểm a, b, c, d khoản 2 Điều này;

h) Mức chi tiền công cho thành viên Hội đồng xét kết quả trúng tuyển, xét tuyển, xét đỗ thực hiện theo khoản 5 Điều 7 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015;

i) Tiền công thuê thỉnh giảng dạy một số chuyên đề cho học sinh tham dự thi học sinh giỏi quốc gia thực hiện theo Nghị quyết số 26/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh Hà Nam về mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

k) Các khoản chi khác: Thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành, thanh toán theo hóa đơn, chứng từ chi thực tế hợp pháp, hợp lệ và được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong phạm vi dự toán được giao.

3. Các nội dung khác thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11/8/2021 của Bộ Tài chính.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam khóa XIX, Kỳ họp thứ năm *(Kỳ họp thường lệ cuối năm 2021)* thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 12 năm 2021./.

Nơi nhận:
- UBTV Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, GD&ĐT;
- Cục KTVBQPPL-BTP;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Uỷ ban MTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban, các Tổ, ĐB HĐND tỉnh;
- Các sở: Tài chính, GD&ĐT; TP;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Công báo tỉnh.
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Lê Thị Thủy